

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2025
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

* **Các hội thẩm nhân dân:** 1. Nguyễn Thị Thúy Mai

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

* **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** Bà Quán
Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
82/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2025 về việc “ly hôn” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXX- ST ngày 12/3/2025 giữa các đương
sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị T, sinh năm 1978, Có mặt

Cư trú tại: Tổ 9, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

* **Bị đơn:** Anh Đặng Đức K, sinh năm 1976, có đơn xin vắng mặt

Cư trú tại: Tổ 9, phường P, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các bản khai và tại phiên tòa chị Đặng Thị T trình bày: Chị và anh Đặng Đức K kết hôn năm 2001 tại UBND phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo nghi thức truyền thống của dân tộc. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận tại Bắc Kạn và sinh ra hai người con trai. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2012, nguyên nhân do anh K có quan hệ với người phụ nữ khác, vì muốn hàn gắn tình cảm nên năm 2015 và 2017, anh chị lần lượt chuyển công tác và về sinh sống tại thành phố Thái Nguyên. Tuy nhiên, giữa hai vợ chồng không tìm được quan điểm chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống căng thẳng, nặng nề đối với cả hai, anh chị ly thân từ ngày 28/3/2024. Vì vậy, chị T làm đơn ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 02 con chung là Đặng Đức Tr, sinh ngày 07/9/2001 và Đặng Trung Đ, sinh ngày 31/5/2008. Cháu Tr đã trưởng thành trên 18 tuổi không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết

Tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Đức K tại bản tự khai ngày 26/02/2025 trình bày: Anh và chị T kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hàn gắn được. Nay chị T nhất quyết ly hôn anh đồng ý.

Về con chung, anh K khai anh chị có hai con chung là Đặng Đức Tr, sinh ngày 07/9/2001 và Đặng Trung Đ, sinh ngày 31/5/2008. Cháu Tr đã trên 18 tuổi nên không đề nghị giải quyết. Anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng cháu Đức. Về cấp dưỡng nuôi con anh và chị T sẽ tự thỏa thuận. Tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, đồng thời tiến hành hòa giải nhưng bị đơn có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, chị T giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh K. Về con chung: Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng con là Đặng Trung Đ, sinh ngày 31/5/2008 và tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con với anh K. Đối với con chung Đặng Đức Tr đã trên 18 tuổi không đề nghị giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 BLTTDS; Tuân thủ quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Đặng Đức K. Về con chung: giao con chung Đặng Trung Đ, sinh ngày 31/5/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung là Đặng Đức Tr đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng do các bên không yêu cầu. Tài sản chung, công nợ chung không có. Buộc chị T nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn đều đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ **Khoản 1** Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị T và anh Đặng Đức K là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh K phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh chị ly thân từ ngày 28/3/2024. Chị T xác định không còn tình cảm với anh K mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng và đề nghị được ly hôn. Bị đơn, anh K trong bản tự khai đồng ý ly hôn với chị T và xin vắng mặt tại các phiên hòa giải, xét xử. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. *Về con chung*: Chị Đặng Thị T và anh Đặng Đức K có hai con chung là cháu Đặng Đức Tr, sinh ngày 07/9/2001 và cháu Đặng Trung Đ, sinh ngày 31/5/2008. Hội đồng xét xử thấy, chị T có nguyện vọng nuôi con chung là cháu Đức. Anh K trong bản tự khai cũng đồng ý để cháu Đở với mẹ. Cháu Đ trong bản tự khai ngày 05/3/2025 trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên ghi nhận, giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Đối với con chung là Đặng Đức Tr đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con Tòa án không giải quyết do các đương sự đề nghị tự thỏa thuận.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có, không giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị T phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T. Cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Đặng Đức K.

2. **Về con chung**: Giao con chung là Đặng Trung Đ, sinh ngày 31/5/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Đối với cháu Đặng Đức Tr, sinh ngày

07/9/2001 đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Anh K được quyền đi lại thăm nom con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Đặng Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000766 ngày 24/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân